ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Toán học — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12 / 2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21231902	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21231902	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21231902	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**28**	**277**	**143**		
16	31151137	Đại số đại cương	5	50	25		
17	31151139	Đại số tuyến tính	5	50	25		
18	31151249	Giải tích thực nhiều biến	5	50	25	31151006	
19	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
20	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
21	31151006	Giải tích thực một biến	5	50	25		
22	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**69**	**630**	**495**		
23	31131077	Cơ sở hình học	3	30	15	31131009	
24	31128010	Lý thuyết tối ưu	2	20	10	31141245	
25	31138009	Phương trình vi phân	3	30	15	31151249	
26	31131009	Hình học Affine & Euclide	3	30	15	31151139	
27	31131914	Tôpô đại cương	3	30	15	31151249	
28	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
29	31131766	Thống kê toán	3	30	15	31131454	
30	31131690	Số học	3	30	15		
31	31121528	Phần mềm toán học	2	20	10		
32	31131454	Lý thuyết xác suất	3	30	15	31151249	
33	31131279	Hàm biến phức	3	30	15	31151249	
34	31141245	Giải tích hàm	4	40	20	31131213	
35	31131213	Độ đo và tích phân	3	30	15		
36	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	3	30	15	31151137	
37	31131027	Bất đẳng thức	3	30	15		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
		Học phần tự chọn	**26**	**200**	**280**		
38	31131296	*Hình học vi phân*	3	30	15	31151249	
39	31131294	*Hình học sơ cấp*	3	30	15		
40	31131612	*Phương trình hàm*	3	30	15		
41	31131247	*Giải tích số*	3	30	15	31141245	
42	31131246	*Giải tích lồi*	3	30	15		
43	31131138	*Đại số sơ cấp*	3	30	15		
44	31161022	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
45	31128011	*Lý thuyết vành và môđun*	2	20	10	31151137	
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**30**	**230**	**310**		
46	31131440	Lý luận dạy học toán	3	30	15	32031719	
47	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	31832001	
48	31131012	Phát triển chương trình toán phổ thông	3	30	15	31131440	
49	31131014	Phát triển năng lực dạy học môn toán	3	30	15	31131440	
50	31121015	Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn toán	2	20	10	31131440	
51	31121020	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
52	31141021	Thực tập sư phạm	4	0	120		
53	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20	31832001	
54	31128012	Thực hành dạy học toán	2	20	10	31131440	
		Học phần tự chọn	**6**	**60**	**30**		
55	31131013	*Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực môn toán*	3	30	15	31131440	
56	31138008	*Mô hình toán học trong chương trình giáo dục phổ thông*	3	30	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**153**	**1441**	**1034**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**111**	**1046**	**709**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**19**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Nhật Quy

Phạm Quý Mười

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Toán học — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31151006	Giải tích thực một biến	5	50	25		
	31151139	Đại số tuyến tính	5	50	25		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**132**	**63**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31151249	Giải tích thực nhiều biến	5	50	25	31151006	
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**140**	**70**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31131279	Hàm biến phức	3	30	15	31151249	
	31151137	Đại số đại cương	5	50	25		
		Học phần tự chọn					
	31131138	*Đại số sơ cấp*	3	30	15		
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**162**	**78**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21231902	
	31121528	Phần mềm toán học	2	20	10		
	31131440	Lý luận dạy học toán	3	30	15	32031719	
	31131454	Lý thuyết xác suất	3	30	15	31151249	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn					
	31131247	*Giải tích số*	3	30	15	31141245	
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**154**	**71**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21231902	
	31131009	Hình học Affine & Euclide	3	30	15	31151139	
	31131766	Thống kê toán	3	30	15	31131454	
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31131246	*Giải tích lồi*	3	30	15		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**171**	**69**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21231902	
	31131213	Độ đo và tích phân	3	30	15		
	31131914	Tôpô đại cương	3	30	15	31151249	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	31832001	
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**157**	**53**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
7	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
	31131690	Số học	3	30	15		
	31141245	Giải tích hàm	4	40	20	31131213	
		Học phần tự chọn					
	31131612	*Phương trình hàm*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**120**	**60**		
8	31121015	Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn toán	2	20	10	31131440	
	31131014	Phát triển năng lực dạy học môn toán	3	30	15	31131440	
	31131077	Cơ sở hình học	3	30	15	31131009	
	31138009	Phương trình vi phân	3	30	15	31151249	
		Học phần tự chọn					
	31128011	*Lý thuyết vành và môđun*	2	20	10	31151137	
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**130**	**65**		
9	31128012	Thực hành dạy học toán	2	20	10	31131440	
	31131027	Bất đẳng thức	3	30	15		
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20	31832001	
		Học phần tự chọn					
	31131294	*Hình học sơ cấp*	3	30	15		
	31131296	*Hình học vi phân*	3	30	15	31151249	
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**135**	**75**		
10	31121020	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	31128010	Lý thuyết tối ưu	2	20	10	31141245	
	31131012	Phát triển chương trình toán phổ thông	3	30	15	31131440	
	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	3	30	15	31151137	
		Học phần tự chọn					
	31131013	*Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực môn toán*	3	30	15	31131440	
	31138008	*Mô hình toán học trong chương trình giáo dục phổ thông*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**140**	**130**		
11	31141021	Thực tập sư phạm	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	31161022	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **KT. HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Nhật Quy

TS. Phan Đức Tuấn